

320, PC
781

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **279** /TCLN-PTSXLN

Hà Nội, ngày **08** tháng **3** năm 2019

V/v xây dựng dữ liệu về các cơ sở chế
biến, thương mại lâm sản

CHI CỤC KIỂM LÂM BÌNH DƯƠNG

ĐẾN Số:.....**2.13**.....
Ngày:.....**14.12.19**.....
Chuyên:.....**L.S.(2.1.3.19)**.....
Lưu hồ sơ số:.....

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh, thành phố

Thực hiện Thông báo số 325/TB-VPCP ngày 29/8/2018 của Văn Phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị “Định hướng giải pháp phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu”. Trong đó, giao mục tiêu cho ngành chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu: phần đầu năm 2019 đạt 11 tỷ USD; năm 2020 đạt 12-13 tỷ USD; năm 2025 đạt 18-20 tỷ USD.

Để có dữ liệu thông tin về cơ sở chế biến, thương mại lâm sản phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành xuất khẩu lâm sản đạt các mục tiêu trên, Tổng cục Lâm nghiệp đề nghị Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh, thành phố cung cấp thông tin về các cơ sở chế biến, thương mại lâm sản tại địa phương theo phục lục đính kèm và gửi về Tổng cục Lâm nghiệp, số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 13/3/2019.

Mọi chi tiết đề nghị liên hệ: Vụ Phát triển sản xuất Lâm nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp; điện thoại 0983964889; email: congtdt19@gmail.com.

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT Nguyễn Quốc Trị (b/c);
- Lưu: VT, PTSXLN.(80b)

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Cao Chí Công

**Phụ lục: BIỂU THỐNG KÊ CÁC CƠ SỞ CHẾ BIẾN THƯƠNG MẠI
LÂM SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....**

(Ban hành kèm theo văn bản số 279 /TCLN-PTSXLN ngày 08 tháng 3 năm 2019 của TCLN)

TT	Tên cơ sở chế biến, thương mại lâm sản	Địa chỉ	Loại hình sở hữu	Tên sản phẩm kinh doanh	Loại hình kinh doanh sản phẩm	Công suất nhà máy	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Doanh nghiệp						
-							
2	Hợp tác xã						
-							
3	Hộ, cá nhân						
-							

Hướng dẫn ghi biểu:

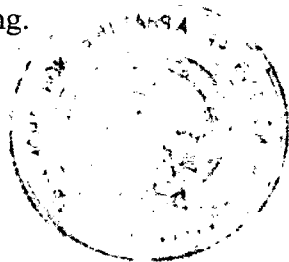
Cột (4): Các doanh nghiệp chế biến lâm sản thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước ghi “Nhà nước”, 100 vốn nước ngoài ghi “FDI”, 100 vốn tư nhân ghi “Tư Nhân”, vốn do liên doanh ghi: “Liên doanh”; Hộ, Hợp tác xã chế biến lâm sản ghi: “Tư nhân”

Cột (5): Sản phẩm cơ sở chế biến lâm sản kinh doanh có thể là:

- Gỗ và sản phẩm gỗ gồm: viên nén gỗ, dăm gỗ, bột gỗ, gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ thanh, gỗ ván bóc, gỗ ván dăm, gỗ ván sợi, gỗ ván dán, gỗ ghép thanh, đồ nội, ngoại thất (bàn, ghế, giường, tủ....) sản phẩm gỗ xây dựng (cửa các loại, ván sàn, ván trần các loại...), gỗ và sản phẩm gỗ khác;
- Lâm sản ngoài gỗ gồm: que, hời, mây, cói, song, tre, các loại lâm sản ngoài gỗ khác.
- Một cơ sở chế biến có thể sản xuất, kinh doanh một hoặc một nhóm các sản phẩm trên.

Cột (6): Những sản phẩm do nhà máy của cơ sở chế biến lâm sản sản xuất ghi “Sản xuất”; những sản phẩm mà cơ sở mua của cơ sở chế biến lâm sản khác để bán, thu lợi nhuận ghi “Thương mại”.

Cột (7): Các cơ sở chế biến lâm sản có nhà máy thì ghi công suất sản xuất sản phẩm của nhà máy cho một năm hoạt động.



Duc